**BỘ CHUẨN 17**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TT 17 + TT 22** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **1.1** | abc | \* | \* |
| **1.2** | abc | \* | - |
| **1.3** | abc | ab | ab |
| **1.4** | abc | ab | ab |
| **1.5** | abc | - | - |
| **1.6** | abc | ab | \* |
| **1.7** | abc | \* | - |
| **1.8** | abc | \* | - |
| **1.9** | abc | \* | - |
| **1.10** | abc | ab | - |
| **2.1** | abc | ab | \* |
| **2.2** | abc | ab | \* |
| **2.3** | abc | ab | ab |
| **2.4** | abc | \* | \* |
| **3.1** | abc | - | - |
| **3.2** | abc | abc | ab |
| **3.3** | abc | \* | \* |
| **4.1** | abc | \* | \* |
| **4.2** | abc | ab | \* |
| **5.1** | abc | ab | - |
| **5.2** | abc | ab | \* |
| **5.3** | abc | \* | \* |
| **5.4** | abc | \* | \* |
| **5.5** | abc | ab | ab |

Mức 1: 24 tiêu chí; Mức 2: 23 tiêu chí; Mức 3: 17 tiêu chí.

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

4. Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

b) Học sinh đ­ược tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

7. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

8. Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

9. Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

10. Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

1. Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

2. Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

3. Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

4. Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1

a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

1. Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Vị trí đặt trường, điểm trường;

(Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương;

Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên; Có kết nối giao thông thuận lợi cho học sinh đi học; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ.)

b) Quy mô; (Trường tiểu học có quy mô tối thiểu 10 lớp và tối đa 40 lớp)

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường; diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình. (Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (bao gồm các điểm trường) được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh với bình quân tối thiểu 10 m2 cho một học sinh; cho phép bình quân tối thiểu 6 m2 cho một học sinh; Bố trí không quá 05 điểm trường;

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các hạng mục công trình** | **Tiêu chuẩn tối thiểu** | **Tiêu chuẩn mức độ 1** | **Tiêu chuẩn****mức độ 2** | **Chú thích** |
| **1** | **Khối phòng học tập** |  |  |  |  |
| 1.1 | Phòng học | 1,35m2/học sinh;1,50m2/học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa | 1,35m2/học sinh;1,50m2/học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa | 1,35m2/học sinh;1,50m2/học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa | Tổng diện tích không nhỏ hơn 40m2/phòng |
| 1.2 | Phòng học bộ môn Âm nhạc | 1,85m2/học sinh | 1,85m2/học sinh | 1,85m2/học sinh | Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m2/phòng |
| 1.3 | Phòng học bộ môn Mỹ thuật | 1,85m2/học sinh | 1,85m2/học sinh | 1,85m2/học sinh |
| 1.4 | Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ | 1,85m2/học sinh | 1,85m2/học sinh | 1,85m2/học sinh |
| 1.5 | Phòng học bộ môn Tin học | 1,50m2/học sinh | 1,50m2/học sinh | 1,50m2/học sinh | Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m2/phòng |
| 1.6 | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ | 1,50m2/học sinh | 1,50m2/học sinh | 1,50m2/học sinh |
| 1.7 | Phòng đa chức năng | 1,50m2/học sinh | 1,50m2/học sinh | 1,50m2/học sinh |
| **2** | **Khối phòng hỗ trợ học tập** |  |  |  |
| 2.1 | Thư viện | 0,60m2/học sinh | - 0,60m2/học sinh:- phòng đọc học sinh 2,40m2/chỗ;- phòng đọc giáo viên 2,40m2/chỗ;- kho sách kín2,5m2/1000 đơn vị tài nguyên thông tin, kho sách mở4,5m2/1000 đơn vị tài nguyên thông tin;- khu mượn trả và quản lý 6m2/người làm công tác thư viện | - 0,60m2/học sinh;- phòng đọc học sinh 2,40m2/chỗ;- phòng đọc giáo viên 2,40m2/chỗ;- kho sách kín2,5m2/1000 đơn vị tài nguyên thông tin, kho sách mở4,5m2/1000 đơn vị tài nguyên thông tin;- khu mượn trả và quản lý 6m2/người làm công tác thư viện | Tổng diện tích không nhỏ hơn 54m2/thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường |
| 2.2 | Phòng thiết bị giáo dục | 48m2/phòng | 48m2/phòng | 48m2/phòng |  |
| 2.3 | Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập | 24m2/phòng | 24m2/phòng | 24m2/phòng |  |
| 2.4 | Phòng Đội Thiếu niên | 0,03m2/học sinh | 0,03m2/học sinh | 0,03m2/học sinh |  |
| 2.5 | Phòng truyền thống | 48m2/phòng | 48m2/phòng | 48m2/phòng | Trường hợp kết hợp với Phòng Đội Thiếu niên, diện tích tối thiểu 54m2/phòng |
| **3** | **Khối phụ trợ** |  |  |  |  |
| 3.1 | Phòng họp | 1,20m2/người | 1,20m2/người | 1,20m2/người |  |
| 3.2 | Phòng Y tế trường học | 24m2/phòng | 24m2/phòng | 24m2/phòng |  |
| 3.3 | Nhà kho | 48m2/kho | 48m2/kho | 48m2/kho |  |
| 3.4 | Khu để xe học sinh | 0,90m2/xe đạp | 0,90m2/xe đạp | 0,90m2/xe đạp | Số lượng xe được tính từ 20% đến 35% tổng số học sinh toàn trường |
| 3.5 | Khu vệ sinh học sinh | 0,06m2/học sinh | 0,06m2/học sinh | 0,06m2/học sinh  |  |
| 3.6 | Phòng nghỉ giáo viên | - | - | 12m2/phòng |  |
| 3.7 | Phòng giáo viên | - | - | 4m2/giáo viên |  |
| **4** | **Khu sân chơi, thể dục thể thao** |  |  |  |
| 4.1 | Sân trường | 1,50m2/học sinh | 1,50m2/học sinh | 1,50m2/học sinh |  |
| 4.2 | Sân thể dục thể thao | 0,35m2/học sinh | 0,35m2/học sinh  | 0,35m2/học sinh  |  |
| 4.3 | Nhà đa năng | - | - | 450m2/nhà sàn tập 12x24m |  |
| **5** | **Khối phục vụ sinh hoạt** |  |  |  |  |
| 5.1 | Nhà bếp | 0,30m2/học sinh | 0,30m2/học sinh | 0,30m2/học sinh |  |
| 5.2 | Kho bếp | 10m2/kho thực phẩm; 12m2/kho lương thực | 10m2/kho thực phẩm;12m2/kho lương thực | 10m2/kho thực phẩm; 12m2/kho lương thực |  |
| 5.3 | Nhà ăn | 0,65m2/chỗ | 0,65m2/chỗ | 0,65m2/chỗ | Số chỗ được tính với 35% tổng số học sinh, giáo viên, nhân viên toàn trường |
| 5.4 | Nhà ở nội trú | 4m2/chỗ | 4m2/chỗ | 4m2/chỗ |  |
| 5.5 | Phòng quản lý học sinh | 9m2/phòng | 9m2/phòng | 9m2/phòng |  |
| 5.6 | Phòng sinh hoạt chung | - | 0,20m2/học sinh | 0,20m2/học sinh |  Tổng diện tích không nhỏ hơn 36m2/phòng |

2. Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1

a) Khối phòng hành chính quản trị;

(Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

Phòng Phó Hiệu trưởng: có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;

Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;

Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.)

b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;

Khối phòng học tập

(Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (nếu có); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; hệ thống quạt (có thể trang bị thêm hệ thống điều hòa không khí phù hợp với điều kiện thực tế); hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học;

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 03 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học, Công nghệ, Tự nhiên và xã hội, Tin học, Ngoại ngữ. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.)

Khối phòng hỗ trợ học tập

(Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Phòng thiết bị giáo dục: có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: bảo đảm có 01 phòng, bố trí ở tầng 1;

Phòng truyền thống: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị;

Phòng Đội Thiếu niên: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thống.)

c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

 (Khối phụ trợ:

Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy;

Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;

Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;

Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;

Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;

Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn, cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

Khu sân chơi, thể dục thể thao:

Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;

Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.

Khối phục vụ sinh hoạt:

Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;

Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;

Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú): trang bị đầy đủ các thiết bị; bảo đảm phục vụ cho học sinh;

Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu riêng cho nam và nữ; trang bị đầy đủ các thiết bị;

Phòng quản lý học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí ở khu nhà ở nội trú, dùng cho giáo viên quản lý học sinh nội trú.)

Mức 2

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Khối phòng hành chính quản trị; (Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;)

b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;

(Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 04 phòng học bộ môn, đối với trường có quy mô lớn hơn 25 lớp có tối thiểu 06 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học, Công nghệ, Tự nhiên và xã hội, Tin học, Ngoại ngữ. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.

Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.)

c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

(Khối phụ trợ:

Khu vệ sinh học sinh: khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học.

Khu sân chơi, thể dục thể thao:

Sân thể dục thể thao ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly, có khu vực tập thể dục thể thao có mái che.

Khối phục vụ sinh hoạt:

Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú): bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị.)

 Mức 3

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Khối phòng hỗ trợ học tập;

(Phòng truyền thống và phòng Đội Thiếu niên bố trí riêng biệt.)

b) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

(Khối phụ trợ

Phòng nghỉ giáo viên: có tối thiểu 01 phòng, bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

Khu sân chơi, thể dục thể thao

Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn;

Nhà đa năng: đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường.

Khối phục vụ sinh hoạt

Nhà ăn: bảo đảm có nhà ăn phục vụ cho học sinh, giáo viên và nhân viên của trường.)

3. Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

(Hạ tầng kỹ thuật

 Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

 Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;

 Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

 Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại, kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

 Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.)

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố; (Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 40%)

c) Thiết bị dạy học.

(Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.)

Mức 2

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 70%.

Mật độ sử dụng đất

 Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;

 Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao): không dưới 40%;

 Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.)

Mức 3

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Tất cả các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp IV trở lên.)

 **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

1. Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1

a) Đảm bảo thực hiện đúng, đủ Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Chương trình tiểu học) và các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

b) Đảm bảo đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, nhu cầu của học sinh và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

c) Giải trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; thực hiện đầy đủ và rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

2. Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

3. Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

4. Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1

a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

5. Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 75%;

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 70%;

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 90%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 85%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 75%.

Mức 3

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.

**Tiêu chuẩn đánh giá trường tiểu học Mức 4**

Trường tiểu học đạt Mức 4 khi đảm bảo các quy định tại Mục 3 Chương này và các quy định sau:

1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

4. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

6. Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 20%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 70% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức tốt.

7. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 97%; tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.